

Bản án số: 05/2026/HS-ST

Ngày 27-01-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Tùng

2. Ông Trần Văn Hồng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Tô Đức Bình – Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2026/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: Huỳnh Dương Thúy N, sinh ngày 04/5/2002; nơi sinh: xã T, thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: ấp L, xã T, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Minh T và bà Dương Thị T1; chồng, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/10/2025 (Bị cáo có mặt).

- **Bị hại:** Dương Thị Kim T2, sinh năm: 2004; nơi cư trú: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà Vuur Mỹ H, sinh năm 1970; nơi cư trú: Ấp A, xã P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

2/ Bà Dương Thị T1, sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp L, xã T, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- **Người làm chứng:** Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1976; nơi cư trú: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 22/5/2025, Huỳnh Dương Thúy N đến chơi và ngủ lại nhà của Dương Thị Kim T2 tại Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ nên sáng ngày 23/5/2025, N phụ Thuê dọn hàng ra bán tại chợ N1 thuộc Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, N mượn xe mô tô biển kiểm soát 83E1-196.42 của T2 nói là về nhà lấy sạc điện thoại nên T2 đồng ý và đưa chìa khóa nhà cho N. Sau đó, N điều khiển xe đi một mình về nhà của T2 dùng chìa khóa mở cửa đi vào phòng ngủ của T2 rồi đi đến tủ nhựa loại 05 ngăn kéo, mở hộc tủ phía trên cùng thấy có một hộp nhựa màu đỏ bên trong có nhiều trang sức bằng vàng, do không có ai ở nhà nên N nảy sinh ý định lấy trộm vàng bán lấy tiền tiêu xài cá nhân nên N lấy một sợi dây chuyền vàng loại 18k, trọng lượng 01 chỉ; một chiếc lắc vàng loại 18k, trọng lượng 05 phân bỏ vô túi áo khoác đang mặc để cất giấu rồi điều khiển xe ra chỗ bán hàng với T2. Đến khoảng 12 giờ trưa cùng ngày, N mượn xe của T2 đi đến Tiệm V bán được số tiền 8.132.000 đồng. Đến chiều tối cùng ngày, Thuê kiểm tra phát hiện bị mất vàng nên ngày 28/5/2025, T2 đến trình báo Công an. Sau đó, Huỳnh Dương Thúy N đã đến cơ quan Công an tự thú và thừa nhận hành vi lấy trộm vàng của Thuê.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐG ngày 23/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã N kết luận: 01 (Một) chiếc lắc vàng 18k, trọng lượng 05 phân và 01 (Một) sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 01 chỉ có tổng giá trị là 11.990.000 đồng (Mười một triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 43/CT-VKSKV7 ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Cần Thơ truy tố bị cáo Huỳnh Dương Thúy N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Dương Thúy N đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Cần Thơ giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Huỳnh Dương Thúy N phạm tội “Trộm cắp tài sản”, đồng thời áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên phạt bị cáo Huỳnh Dương Thúy N từ 06 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự trong quá trình điều tra, giữa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tự thỏa thuận, tại phiên tòa không có yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét; về xử lý vật chứng áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 707.000 đồng (Bảy trăm lẻ bảy

ngàn đồng); về án phí bị cáo N là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Trong phần nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo Huỳnh Dương Thúy N xin Hội đồng xét xử cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thụ tụng tố tụng: Tại phiên tòa bị hại Dương Thị Kim T2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vu M và những người làm chứng Nguyễn Thị P đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Trong quá trình điều tra, những người này đã có lời khai và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã có lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến không yêu cầu bồi thường nên việc vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ vào Điều 292 và 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng như đã công bố. Ngoài ra, đối với bà Dương Thị T1 là người đã dùng tiền mua lại số vàng để khắc phục hậu quả thay cho bị cáo ngay sau khi xảy ra sự việc, nhưng trong quá trình điều tra, truy tố xác định tư cách tố tụng người làm chứng là chưa đúng nên Hội đồng xét xử xác định lại tư cách tham gia tố tụng của bà Dương Thị T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và các đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cũng như các chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra, truy tố. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện bảo đảm tuân thủ đúng theo quy định pháp luật về tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án, trong quá trình tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Dương Thúy N đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm của bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án và Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo nên có cơ sở xác định: Vào khoảng hơn 08 giờ ngày 23/5/2025, bị cáo Huỳnh Dương Thúy N lợi dụng mối quan hệ là người thân với bị hại Dương Thị Kim T2 nên được giao chìa khóa về nhà lấy sạc điện thoại và nhà của bị hại không có người ở nên đã thực hiện hành vi lén lút lấy 01 (Một) sợi dây chuyền vàng loại 18k, trọng lượng 01 chỉ và 01 (Một) chiếc lắc vàng loại 18k, trọng lượng 05 phân của bà Dương Thị Kim T2 có tổng giá trị 11.990.000 đồng (Mười một

triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng). Như vậy, hành vi của bị cáo Huỳnh Dương Thúy N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Từ đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Cần Thơ truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt là có căn cứ, đúng người, đúng tội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Xét hành vi của bị cáo Huỳnh Dương Thúy N đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; bị cáo là người có đủ năng lực để nhận thức hành vi lấy trộm tài sản của người khác là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm. Nhưng chỉ vì không có tiền tiêu xài cá nhân mà thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại. Hành vi của bị cáo đã để lại hậu quả xấu trong xã hội, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần phải xem xét áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc và tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo để nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích, đồng thời có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung cho toàn xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi phạm tội, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Trong quá trình điều tra, truy tố và tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, bị cáo mới phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình khắc phục toàn bộ thiệt hại cho bị hại; bị cáo đầu thú, được bị hại xin bãi nại; trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, có bà nội là mẹ Việt Nam anh hùng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 cần xem xét áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[6] Về hình phạt: Xét thấy, bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã nhận định tại Đoạn [5] nêu trên. Xét về nhân thân thì bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên có khả năng tự cải tạo, đồng thời bị cáo có nơi cư trú rõ ràng để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục nên không cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù và việc cho bị cáo hưởng án treo cũng không gây nguy hiểm cho xã hội. Do vậy, bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, được sửa đổi, bổ sung năm 2022 và năm 2025. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 tuyên phạt bị cáo tù 06 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự, trong quá trình điều tra, truy tố giữa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thỏa thuận việc bồi thường xong, tại phiên tòa không ai có yêu cầu bị về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Xét thấy, trong quá trình điều tra cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo số tiền 707.000 đồng, đây là tiền do bị cáo bán số tài sản chiếm đoạt của bị hại mà có, tuy bị cáo đã tác động khắc phục bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, nhưng tại phiên tòa bị cáo trình bày tự nguyện không yêu cầu nhận lại số tiền này. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung ngân sách nhà nước đối với tiền 707.000 đồng (Bảy trăm lẻ bảy nghìn đồng).

[9] Về án phí, bị cáo Huỳnh Dương Thúy N là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Cần Thơ đề nghị về tội danh, hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự và án phí là có căn cứ như đã nhận định tại các đoạn nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, được sửa đổi, bổ sung năm 2022 và năm 2025.

1. Tuyên bị cáo Huỳnh Dương Thúy N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Huỳnh Dương Thúy N 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/01/2026).

Giao bị cáo Huỳnh Dương Thúy N cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Cần Thơ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc những người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu sung ngân sách nhà nước đối với tiền 707.000 đồng (Bảy trăm lẻ bảy nghìn đồng).

5. Về án phí: Buộc bị cáo Huỳnh Dương Thúy N phải nộp 200.000 đồng

(Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- VKSND Khu vực 7 – Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Phòng HSNV-Công an thành phố Cần Thơ;
- CQTHAHS-Công an thành phố Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Minh Luân